CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 15/CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM – ASSET/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh , Việt nam.

Điện thoại : (84-028) 3 7653284 – 3 7653285 – 37653286 Fax: (84-028) 37 653258 -54283458

Email : jojo@pham-asset.com

Mã số doanh nghiệp : 0302771009

Số Giấy chứng nhận FSSC 22000: 38161412002, ngày cấp: 06/02/2024, nơi cấp : I ntertek Certification Limited.

II. Thông tin về sản phẩm :

1. Tên sản phẩm : **BÁNH XỐP QUE VỊ CÀ PHÊ DỪA**
2. Thành phần : Bột mì, nước cốt dừa 30%, bột gạo, đường, bột sữa whey, bột cà phê 0.4%, đường glucose, mè đen, dầu cọ, muối i- ốt, chất nhũ hóa (322(i)), chất chống oxy hóa (321), hương cà phê tổng hợp.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 09 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì :

   - Bánh được đóng gói trong màng OPP/PE/CPP, hộp giấy hoặc lon giấy.

   Khối lượng tịnh mỗi gói/hộp/lon: 10g, 20g, 30g, 40g, 45g, 50g, 55g, 60g, 65g, 70g, 75g, 80g, 85g, 90g, 95g, 100g, 105g, 110g, 115g, 120g, 125g, 130g, 135g, 140g, 145g, 150g, 155g, 160g, 165g, 170g, 175g, 180g, 185g, 200g, 225g, 300g, 325g, 330g, 360g, 400g, 440g, 625g và theo yêu cầu của khách hàng.

   - Các hộp bánh được đóng vào thùng carton 3, 5 lớp hoặc đóng trong túi PE, PP.

   - Nắp thùng và đáy thùng hoặc túi PE, PP có dán băng keo kín, đảm bảo trong quá trình vận chuyển, bảo quản không bong rách.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

   a. Tên tổ chức : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84-028) 37653284–37653285–37653286. Fax: (84-028) 37653258-54283458

III. Mẫu nhãn sản phẩm :

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn an toàn cho phép đối với ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

ỦQ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Lê Phước Minh Trang

Open

RESEALABLE ZIP LOCK

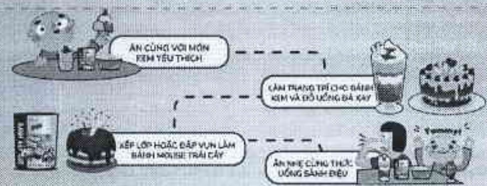

Open

Thành phần:
Bột mì, nước cốt dừa 30%, bột gạo, đường, bột sữa whey, bột cà phê 0.4%, đường glucose, mè đen, dầu cọ, muối i-ốt, chất nhũ hóa (322(i)), chất chống oxy hóa (321), hương cà phê tổng hợp.

Hướng dẫn sử dụng:
Thưởng thức ngay sau khi mở gói, tiếp xúc lâu với không khí sẽ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.
Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời và nơi ẩm ướt.

Thông tin cảnh báo:
Không sử dụng khi sản phẩm hết hạn.

Xuất xứ: Việt Nam.
Origin: Vietnam.

Sản phẩm của Công ty Liên Doanh Phạm – Asset.
Lô D4/1, Đường số 1B, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Product of Pham – Asset Joint Venture Company.
Lot D4/1, 1B Street, Vinh Loc Industrial Park, Binh Hung Hoa B Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: (028) 37653286 – 37653285 – 37653284
Fax: (84.28) 54283458 – 37653258
Email: jojo@pham-asset.com
Website: www.pham-asset.com

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (*)	
Thành phần dinh dưỡng	Trên/ per 100 g
Năng lượng/ Energy	400 kcal
Chất đạm/ Protein	7,2 g
Carbohydrat/ Carbohydrate	80,8 g
Đường tổng số/ Total sugars	44,5 g
Tổng chất béo/ Total Fat	1,45 g
Chất béo bão hòa/ Saturated fat	0,512 g
Hàm lượng Natri/ Sodium	96,8 mg
Xơ tiêu hóa/ Total dietary fiber	1,51 g
(*) Thông tin dinh dưỡng dao động ± 20% mức công bố	

Ingredients:
Wheat flour, coconut milk 30%, rice flour, sugar, whey powder, coffee powder 0.4%, glucose, black sesame seeds, palm oil, salt, emulsifier (322(i)), antioxidant (321), artificial coffee flavor.
Instruction for usage:
Consume soon after opening pack, long exposing to atmosphere will impact to the product's quality.
Instruction for store:
Store in cool dry place.
Avoid direct sunlight and humidity.
Caution:
Don't consume after the expiration.

NSX/MFG date:
HSD/EXP date:
Khối lượng tịnh/NW:

20 mm

8 936006 342511

Sealing 10 mm

Cắt trong suốt trên dưới 1mm

NK1: 6point, 70% Znen.

Sealing 10 mm Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa cho sản phẩm

COCONUT COFFEE WAFER ROLLS

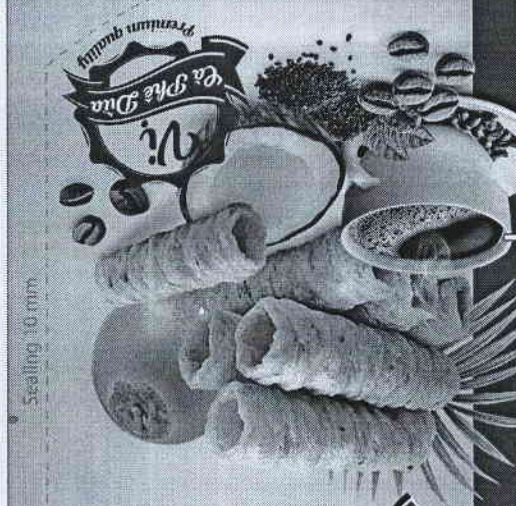

JOJO®

BÁNH XỐP QUE

Sealing 10 mm

RESEALABLE ZIP LOCK

32 mm

8 mm

90 mm

170 mm

460 mm

230 mm

220 mm

35 mm

Zipper 13 mm

Mã số (Design Code)	Thiết Kế (Designer)	Tên sản phẩm: (Product's name)	JOJO-BÁNH XỐP QUE VỊ CÀ PHÊ DỪA.	Chất liệu in: PET (Material print) mặt sau	Size: (mm)	460*170
XYBD DT4320 Y103868 -s101	TÀI	K, Znau, C, M, Y, Znen, W, MATT		TS	SIZE ETMARE (mm)	00*00
					Date	02/08/2024

XinYuan

Sửa 1 trục: K Sửa 2 chỗ khoanh

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: AVA1240500870-2

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Lô D4/1, Đường 1B, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	20/05/2024
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	20/05/2024 - 25/05/2024
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	25/05/2024
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**BÁNH XỐP QUE VỊ CÀ PHÊ DỪA**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong túi nhựa
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: AVA1240500870-2

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*)	400	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	7.20	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Béo tổng (*) / Total fat (*)	1.45	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
4	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	44.5	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03
5	Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)	89.6	g/100g	AVA-KN-PP.HL/04
6	Độ ẩm (*) / Moisture (*)	1.10	g/100g	AVA-KN-PP.HL/05
7	Xơ tiêu hóa (*) / Total dietary fiber (*)	1.51	g/100g	TCVN 9050:2012
8	Natri (Na)(*) / Sodium (Na)(*)	96.6	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35)
9	Béo bão hòa (*) / Saturated Fat (*)	0.912	g/100g	AVA-KN-PP.SK/050 (Ref. ISO 11085:2015 & AOAC 996.06)
10	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
11	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
12	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0)	MPN/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
13	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
14	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 980.31
15	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 975.55
16	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: AVA1240500870-2

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
17	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
18	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
19	Deoxynivalenol (Vomitoxin) (*) / Deoxynivalenol (Vomitoxin) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/093 (Ref. EN 17194:2019)
20	Melamine (*) / Melamine (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 15)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/090 (Ref. TCVN 9048:2012 (ISO/ TS 15495:2010))

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: AVA1240500870-2

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	**400**	**kcal**	**20%**
Chất đạm (Protein)	**7.20**	**g**	**14%**
Carbohydrate	**89.6**	**g**	**28%**
Đường tổng số (Total Sugars)	**44.5**	**g**	**-**
Chất béo (Fat)	**1.45**	**g**	**3%**
Chất béo bão hòa (Saturated fat)	**0.912**	**g**	**5%**
Natri (Sodium)	**96.6**	**mg**	**5%**

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values – NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100g thực phẩm.
Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng (Energy): 2000 kcal; Chất đạm (Protein): 50g; Carbohydrate: 325g; Đường tổng số (Total Sugars): Chưa khuyến nghị giá trị dinh dưỡng tham chiếu; Chất béo (Fat): 56g; Chất béo bão hòa (Saturated Fat): 20g; Natri (Sodium): 2000mg

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK

TRẦN HOÀNG VINH